| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CỦ CHI**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 1627/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21/12/2018
V/v: "Tranh chấp về ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1235/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc: "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 402/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 335/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 10 đường Nguyễn Thị L, tổ 5, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Kim T có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Quốc A, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 10 đường Nguyễn Thị L, tổ 5, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Huỳnh Quốc A vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn xin ly hôn ngày 04/10/2017, bản tự khai ngày 04/10/2017, biên bản hòa giải ngày 08/01/2018, biên bản hòa giải ngày 30/3/2018, biên bản hòa giải ngày 07/11/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày sự việc như sau:

Bà (Nguyễn Thị Kim T) và ông Huỳnh Quốc A kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 86, quyển số 01, đăng ký ngày 09/4/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống tại nhà cha mẹ bà tại địa chỉ: Số 10 đường Nguyễn Thị L, tổ 5, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2012, vợ chồng bà chuyển đến sống tại ấp G, xã T, huyện C để chăn nuôi bò.

Năm 2013, cuộc sống vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông A ham mê cờ bạc, rượu chè, không chí thú làm ăn, không quan tâm chăm lo cho vợ con. Bà và cha mẹ ruột của bà hết lời khuyên ngăn nhưng ông A vẫn không thay đổi.

Đến khoảng đầu năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt. Bà mang thai mà phải một mình lo toan kinh tế gia đình và chăm sóc 02 con nhỏ. Không thể chịu đựng được nữa nên bà dẫn 02 con về nhà cha mẹ ruột của bà để sinh sống. Ông A cũng theo bà về sống bên nhà cha mẹ ruột của bà nhưng ông A vẫn không bỏ được thói hư tật xấu, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông A không phụ giúp kinh tế gia đình, không quan tâm chăm lo con cái, bà phải nương nhờ cha mẹ ruột của bà giúp đỡ. Vợ chồng bà sống ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay.

Vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà xin được ly hôn với ông A.

Về con chung: Có 03 trẻ, tên là: Huỳnh Quốc K, sinh ngày 26/01/2012, Huỳnh Quốc H, sinh ngày 25/11/2013 và Huỳnh Minh A, sinh ngày 30/9/2016. Hiện 03 con chung đang sống với bà. Bà yêu cầu được nuôi 03 con, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Huỳnh Quốc A không có mặt nên không có lời khai của ông A.

* Đại diện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Ngoài việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử; việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự vi phạm quy định tại Điều 196, khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng vì đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

*- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: "Tranh chấp về ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T nhưng bà T có đơn xin xét xử vắng mặt bà. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Quốc A mà không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông A.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Quốc A, Hội đồng xét xử nhận định:

*- Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Huỳnh Quốc A kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 86, quyển số 01, đăng ký ngày 09/4/2010, nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Theo lời bà T trình bày thì năm 2013, cuộc sống vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông A ham mê cờ bạc, rượu chè, không chí thú làm ăn, không quan tâm chăm lo cho vợ con. Bà và cha mẹ ruột của bà hết lời khuyên ngăn nhưng ông A vẫn không thay đổi. Năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt. Bà mang thai mà phải một mình lo toan kinh tế gia đình và chăm sóc 02 con nhỏ. Không thể chịu đựng được nữa nên bà dẫn 02 con về nhà cha mẹ ruột của bà để sinh sống. Ông A cũng theo bà về sống bên nhà cha mẹ

ruột của bà nhưng ông A vẫn không bỏ được thói hư tật xấu, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông A không phụ giúp kinh tế gia đình, không quan tâm chăm lo con cái, bà phải nương nhờ cha mẹ ruột của bà giúp đỡ. Vợ chồng bà sống ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay, ông A không có mặt mà không có lý do, điều này thể hiện việc ông A không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T.

Từ phân tích trên, có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông A không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu bà T là có cơ sở.

- *Về con chung*:

Bà T và ông A có 03 con chung, tên là: Huỳnh Quốc K, sinh ngày 26/01/2012, Huỳnh Quốc H, sinh ngày 25/11/2013 và Huỳnh Minh A, sinh ngày 30/9/2016. Hiện 03 con chung đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi 03 con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy 03 con chung của bà T và ông A đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng; quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông A vắng mặt mà không có lý do nên không có lời khai của ông A về vấn đề con chung, do đó Hội đồng xét xử quyết định giao 03 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T.

- *Tài sản chung*:

Bà T khai về tài sản chung do hai bên thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về nghĩa vụ dân sự chung*:

Bà T khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 81, khoản 1 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được quyền ly hôn với ông Huỳnh Quốc A.

- Về con chung:

Bà T và ông A có 03 con chung, tên là: Huỳnh Quốc Khánh, sinh ngày 26/01/2012, Huỳnh Quốc Huy, sinh ngày 25/11/2013 và Huỳnh Minh An, sinh ngày 30/9/2016. Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông A được quyền thăm con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà T khai về tài sản chung do hai bên thỏa thuận.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà T khai không có nghĩa vụ dân sự chung.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), buộc bà T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai số 0007570 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa (bà Nguyễn Thị Kim T, ông Huỳnh Quốc A) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,*

*7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.*

***Nơi nhận:***
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Tân Phú Trung, H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠTHẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Thanh Hương**